

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Ngọc Phương;
2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 190/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Thanh M, sinh năm 1983; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị Ph, sinh năm 1984. Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Cùng nơi thường trú: Ấp B, xã T, huyện P, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: Số N, tổ 3, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Quá trình tố tụng nguyên đơn ông Phan Thanh M trình bày:

Ông M và bà PH tự nguyện chung sống từ năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hai người sống hạnh phúc bình thường, từ tháng 01 năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai cùng nghi ngờ sự chung thủy của nhau. Ông M xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, nên ông M yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà PH là vợ chồng.

Về con chung: Ông Phan Thanh M và bà Dương Thị Ph có 02 con chung tên Phan Thị Huyền Nh, sinh ngày 04 tháng 04 năm 2004 và Phan Ngọc Như B, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2017. Khi ly hôn, ông M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Thị Huyền Nh. Bà Dương Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Ngọc Như B.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Dương Thị Ph và ông Phan Thanh M không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình tố tụng bị đơn - bà Dương Thị Ph trình bày:*

Thông nhất lời trình bày của ông M về thời gian chung sống, con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cùng nghi ngờ sự chung thủy của nhau, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng nay đã trở nên trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Hiện nay bà và ông M đã ly thân không còn quan tâm lẫn nhau, vợ chồng không thể quay về cùng chung sống hạnh phúc với nhau nên bà đồng ý theo yêu cầu ly hôn của ông M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Thị Huyền Nh, sinh ngày 04 tháng 04 năm 2004 và Phan Ngọc Như B, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2017. Bà Phương yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Ngọc Như B. Ông Mền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Thị Huyền Nh.

Về cấp dưỡng: Bà Dương Thị Ph và ông Phan Thanh M không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà PH có đơn yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy ông M và bà PH sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn, Tòa án đã vận động ông M và bà Phương đoàn tụ và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng cả hai đều thống nhất ly hôn; về con chung, tài sản chung, nợ chung do đó yêu cầu của ông M là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Ông M khởi kiện bà PH yêu cầu được ly hôn, bà PH hiện đang cư trú tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28,

Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn bà Dương Thị Ph có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà PH theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà PH tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, không tiến hành đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà PH không phải là hôn nhân hợp pháp. Ông M trình bày ông và bà PH sống không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên cãi vã, vợ chồng nghi ngờ sự chung thủy của nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã giải thích động viên ông M và bà PH về đoàn tụ và tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng ông M và bà PH xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không đồng ý thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn mà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông M và bà PH là vợ chồng.

Tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và tại Điểm b, c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003, từ sau thời gian này họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Căn cứ các quy định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông M và bà PH chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quá trình chung sống không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống để xây dựng hạnh phúc gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M không công nhận ông M và bà PH là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông M và bà PH có 02 con chung tên Phan Thị Huyền Nh, sinh ngày 04 tháng 04 năm 2004 và Phan Ngọc Như B, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2017. Xét thấy, ông M và bà PH cùng thống nhất tự nguyện giao con chung tên Phan Ngọc Như B cho bà PH trực tiếp nuôi dưỡng, còn ông M trực tiếp nuôi con tên Phan Thị Huyền Nh và ý kiến của cháu NH yêu cầu được ở cùng cha, ông M và bà PH không ai phải cấp dưỡng nuôi con; xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b, c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Thanh M đối với bị đơn bà Dương Thị Ph.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phan Thanh M và bà Dương Thị Ph là vợ chồng.

Về con chung:

Giao con chung tên Phan Thị Huyền Nh, sinh ngày 04 tháng 04 năm 2004 cho ông Phan Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Giao con chung tên Phan Ngọc Như B, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2017 cho bà Dương Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phan Thanh M và bà Dương Thị Ph không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phan Thanh M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0053710 ngày 05/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Huệ**

